

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 424/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Châu

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý 728/2020/TLST - HNGĐ ngày 12/11/2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đoàn Văn T, sinh năm: 1982; Đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký tạm trú: Số 32 Ngõ 624 phố M, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Chị Bùi Thị P, sinh năm: 1984; Đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký tạm trú: Số 32 Ngõ 624 phố M, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: Số 28 ngách 194/7 phố T, phường T, quận HM, TP. Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 11 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Đoàn Văn T trình bày:

Anh và chị Bùi Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Đây là lần kết hôn thứ nhất của vợ chồng anh chị. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau ở Thái Bình được khoảng 02 năm thì chuyển lên Hà Nội thuê nhà ở nhiều nơi khác nhau, đến tháng 7/2020 sinh sống tại số 32 ngõ 624 phố M, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội (thuê nhà). Quá trình chung sống vợ

chồng hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ năm 2017 đến nay, đỉnh điểm là đêm giao thừa năm 2020, chị P đã bỏ nhà đi đến nhà cháu ở, sau đó mới quay về nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn luôn căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không nói chuyện được với nhau, cãi nhau triền miên kéo dài và vấn đề kinh tế cũng ảnh hưởng đến cuộc sống của vợ chồng. Bản thân chị P hay ghen tuông vô cớ nên thường xuyên cãi nhau, xúc phạm anh và gia đình anh. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình và bản thân vợ chồng đã tự hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, mệt mỏi. Hiện nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một cuộc sống, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh sớm được ly hôn với chị Bùi Thị P để sớm ổn định cuộc sống cho cả hai bên.

Về con chung: Anh và chị P có 02 con chung là Đoàn Thảo P, sinh ngày 20/6/2008 và Đoàn Thảo L, sinh ngày 11/11/2009. Hiện nay, các cháu sức khỏe bình thường. Ly hôn, anh có nguyện vọng mỗi người nuôi 01 con, anh T có nguyện vọng được nuôi cháu Đoàn Thảo L, để chị P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Thảo P. Hiện nay anh đang làm lái xe, tổng thu nhập 15.000.000 đồng/tháng. Anh tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng để chị P nuôi con Đoàn Thảo P kể từ tháng 08 năm 2022.

Về tài sản chung, nhà ở, công sức đóng góp, nợ chung: Anh xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị nhất trí với anh T trình bày về thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2017 thì vợ chồng cũng có những mâu thuẫn vụn vặt mà gia đình nào cũng có và không đến mức trầm trọng. Bản thân vợ chồng cũng đã tự cải thiện để chung sống với nhau. Hiện tại vợ chồng vẫn sống chung với nhau nhưng vì bản thân anh T thường xuyên phải đi công tác nên vợ chồng không có nhiều thời gian để chia sẻ với nhau nhiều về các vấn đề trong cuộc sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì theo chị vợ chồng không có mâu thuẫn gì quá trầm trọng và quá lớn. Có thể với điều kiện của gia đình, do chị P đi học nhiều, rồi một mình chị phải lo lắng cho con cái, bản thân anh T lại ít có thời gian dành cho gia đình, phải lo cơm áo gạo tiền, phấn đấu học hành sự nghiệp nên cuộc sống không tránh khỏi những xích mích nhưng theo chị đó là vấn đề chung mà gia đình nào cũng có và có thể cải thiện. Nay anh T xin ly hôn, chị xác định vẫn còn tình cảm với anh T và bản thân không muốn cuộc sống hôn nhân đổ vỡ ảnh hưởng đến con cái nên chị đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Đoàn Thảo P, sinh ngày 20/6/2008 và Đoàn Thảo L, sinh ngày 11/11/2009. Hiện nay, các cháu sức khỏe bình thường. Về nguyện vọng của anh T đối với vấn đề con chung thì đến thời

điểm này chị không có ý kiến gì, chị đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các con để giải quyết theo quy định.

Về tài sản chung, nhà ở, công sức đóng góp: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị P vì mâu thuẫn quá căng thẳng, cuộc sống không có hạnh phúc và càng tiếp tục chung sống với nhau thì càng mệt mỏi. Bản thân hai vợ chồng cũng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mỗi người có một cuộc sống riêng. Về con chung đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi một con theo nguyện vọng của các con, anh tự nguyện cấp dưỡng để chị P nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng. Về tài sản chung, nhà ở, công sức đóng góp, nợ chung: Anh xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị P vẫn giữ nguyên quan điểm và không đồng ý ly hôn. Nếu anh T cương quyết xin ly hôn thì chị cũng không đồng ý vì chị không muốn cuộc sống hôn nhân đổ vỡ ảnh hưởng đến con cái. Về con chung đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các con để giải quyết theo quy định.

Về tài sản chung, nhà ở, công sức đóng góp: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đã tuân thủ đúng theo trình tự pháp luật quy định. Đối với các đương sự về cơ bản chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Văn T đối với chị Bùi Thị P. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đoàn Thảo P, sinh ngày 20/6/2008 và Đoàn Thảo L, sinh ngày 11/11/2009. Hiện nay, các cháu sức khỏe bình thường. Ly hôn giao con cho mỗi người nuôi một con là phù hợp và đúng nguyện vọng của các cháu. Giao cháu Đoàn Thảo P cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và giao cháu Đoàn Thảo L cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi để chị P nuôi con số tiền 1.500.000đồng/tháng. Anh T, chị P có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định để xác định mức án phí đối với đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là anh Đoàn Văn T có đơn xin ly hôn đối với chị Bùi Thị P phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện khi thụ lý vụ án bị đơn là chị Bùi Thị P đang cư trú tại số 32 ngõ 624 phố M, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội. Đến tháng 6 năm 2021 chị P chuyển về thuê trọ tại địa chỉ số 28 ngách 194/7 phố T, phường T, quận HM, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Trường hợp vụ án dân sự đã

được Tòa án thụ lý và đang giải quyết theo đúng quy định của Bộ luật này về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì phải được Tòa án đó tiếp tục giải quyết mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án có sự thay đổi nơi cư trú, trụ sở hoặc địa chỉ giao dịch của đương sự." Đối chiếu với quy định trên thì Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Văn T và chị Bùi Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương số 67 ngày 22/11/2006. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn: Theo anh T thì vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ năm 2017 cho đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không nói chuyện được với nhau, cãi nhau triền miên kéo dài. Mâu thuẫn xảy ra bản thân anh là người luôn kiềm chế, nhẫn nhịn để không ảnh hưởng đến con cái. Bản thân chị P hay ghen tuông vô cớ nên thường xuyên cãi nhau và xúc phạm gia đình anh T. Chị P luôn coi thường anh vì anh không có kinh tế, khi mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình và bản thân vợ chồng đã tự hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, mệt mỏi. Hiện vợ chồng sống ly thân mỗi người một cuộc sống, không quan tâm đến nhau, đến giữa tháng 6/2021, chị Bùi Thị P chuyển chỗ ở đến số nhà 28 ngách 194/7 phố T, phường T, quận HM, thành phố Hà Nội. Chị P cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì quá trầm trọng và quá lớn, có thể với điều kiện gia đình còn nhiều vấn đề cơm áo gạo tiền, cuộc sống không tránh khỏi những xích mích nhưng theo chị đó chỉ là vấn đề chung mà gia đình nào cũng có. Mặc dù chị P có nguyện vọng quay về đoàn tụ, nhưng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng khi quay về với nhau. Đặc biệt vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẻ được với nhau dẫn đến mỗi người một cuộc sống, không quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã nhiều lần thông báo cho chị P đến Tòa án để hòa giải nhưng chị chỉ tham gia một lần nhưng tại buổi hòa giải này anh T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, sau đó nhiều lần Tòa án tổ chức các phiên họp hòa giải nhưng chị P đều có tình không đến làm việc, không tham gia các buổi hòa giải, điều đó thể hiện chị P không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua các tài liệu xác minh cũng thể hiện tình cảm của vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và thiếu sự tin tưởng nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Như vậy có thể cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được việc anh T xin ly hôn chị P là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh Đoàn Văn T đối với chị Bùi Thị P.

[4]. Về con chung: Chị P và anh T có 02 con chung là Đoàn Thảo P, sinh ngày 20/6/2008 và Đoàn Thảo L, sinh ngày 11/11/2009. Hiện nay, các cháu sức khỏe bình thường. Ly hôn, anh T có nguyện vọng mỗi người nuôi 01 con, anh T

có nguyện vọng được nuôi cháu Đoàn Thảo L, để chị P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Thảo P, anh T tự nguyện cấp dưỡng cho chị P số tiền 1.500.000 đồng/tháng để nuôi con. Chị P đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các con để giải quyết. Xét thấy cả hai anh chị đều đủ tư cách đạo đức để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; về điều kiện nuôi dưỡng các con của anh chị thể hiện thu nhập ổn định, hiện nay cả hai anh chị đều có công việc làm ổn định. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, trong trường hợp này cháu Đoàn Thảo L đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn xin được ở với bố, cháu Đoàn Thảo P cũng đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ. Chính vì vậy để đảm bảo việc nuôi dưỡng của cả hai con, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn nên giao cho mỗi người nuôi một con là phù hợp với hoàn cảnh hiện nay của anh chị và cũng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Giao cháu Đoàn Thảo L cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Giao cháu Đoàn Thảo P cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đoàn Văn T mỗi tháng cấp dưỡng số tiền 1.500.000 đồng để chị P nuôi cháu Đoàn Thảo P kể từ tháng 08 năm 2022 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Hai anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6]. Về nợ chung: Tại phiên tòa chị P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho chị P cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến các khoản nợ nhưng chị không giao nộp, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 14/01/2022 chị P cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn nếu các bên có tranh chấp về các khoản nợ sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[7]. Về án phí: Anh Đoàn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 235, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Văn T đối với chị Bùi Thị P. Anh Đoàn Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị P.

[2]. Về con chung: Anh T và chị P có 02 con chung là Đoàn Thảo P, sinh ngày 20/6/2008 và Đoàn Thảo L, sinh ngày 11/11/2009. Hiện nay, các cháu sức khỏe bình thường. Ly hôn, giao cháu Đoàn Thảo L cho anh Đoàn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Giao cháu Đoàn Thảo P cho chị Bùi Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng 1.500.000đồng/01 tháng để chị P nuôi cháu Đoàn Thảo P kể từ tháng 08 năm 2022 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Hai anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về nợ chung: Sau khi ly hôn nếu các bên có tranh chấp về các khoản nợ sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí: Anh Đoàn Văn T phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2020/0003703 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[6]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Hai Bà Trưng
- VKSND T.P Hà Nội
- TAND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng
- UBND xã T, huyện N,
- tỉnh Hải Dương(ĐKKH số 67 ngày 22/11/2006)
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tiến